

Số: /KH - STTTT

Hưng Yên, ngày tháng 11 năm 2020

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển hạ tầng viễn thông giai đoạn 2021-2025**  
**trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Chỉ thị số 52/CT-BTTTT ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông;

Căn cứ quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

Thực hiện theo sự định hướng, mục tiêu giai đoạn 2021-2025 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên với một số nội dung sau:

**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu chung**

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng trên địa bàn đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

- Cung cấp các dịch vụ viễn thông băng rộng đa dạng với chất lượng tốt, giá cước hợp lý theo cơ chế thị trường.

- Cải tạo, xây dựng và phát triển mới hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng cường chia sẻ, sử dụng chung nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò của công tác quản lý nhà nước.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Giai đoạn 2021-2022**

**1.2.1.1. Băng rộng cho cộng đồng**

a) Băng rộng cho gia đình

Ít nhất 50% số hộ gia đình (hoặc thuê bao cá nhân) trên địa bàn tỉnh được tiếp cận và sử dụng dịch vụ băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% thuê bao được kết nối với tốc độ tối thiểu đường xuống là 50 Mb/s.

b) Băng rộng cho các điểm truy nhập viễn thông công cộng

100% các điểm truy nhập viễn thông công cộng trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% các điểm có truy nhập băng rộng cố định với tốc độ tối thiểu đường xuống là 100 Mb/s.

c) Băng rộng di động

Đảm bảo tối thiểu 95% dân số trên địa bàn tỉnh được phủ sóng 4G với tốc độ tải dữ liệu 4G đạt 30 Mb/s.

- 80% người sử dụng dịch vụ di động có smartphone

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 70%

- Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện trên địa bàn tỉnh đạt 95%.

**1.2.1.2. Băng rộng cho công sở**

a) Băng rộng cho cơ sở giáo dục

100% trường học trên địa bàn tỉnh có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 60% trường học có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 50 Mb/s; 40% trường học có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 30 Mb/s.

b) Băng rộng cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

100% bệnh viện trên địa bàn tỉnh có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 60% bệnh viện có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 80 Mb/s; 40% bệnh viện có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 50 Mb/s.

c) Băng rộng cho cơ quan nhà nước

100% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 60% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu đường xuống là 100 Mb/s; 40% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu đường xuống là 80 Mb/s.

d) Băng rộng cho doanh nghiệp

100% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 100 Mb/s; 20% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 80 Mb/s.

**1.2.2. Giai đoạn 2023-2024**

**1.2.2.1. Băng rộng cho cộng đồng**

a) Băng rộng cho gia đình

Ít nhất 70% số hộ gia đình (hoặc thuê bao cá nhân) trên địa bàn tỉnh được tiếp cận và sử dụng dịch vụ băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% thuê bao được kết nối với tốc độ tối thiểu đường xuống là 100 Mb/s.

b) Băng rộng cho các điểm truy nhập viễn thông công cộng

100% các điểm truy nhập viễn thông công cộng trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% các điểm có truy nhập băng rộng cố định với tốc độ tối thiểu đường xuống là 150 Mb/s.

c) Băng rộng di động

Đảm bảo tối thiểu 98% dân số trên địa bàn tỉnh được phủ sóng 4G với tốc độ tải dữ liệu 4G đạt 35 Mb/s.

- 85% người sử dụng dịch vụ di động có smartphone

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 75%

- Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện trên địa bàn tỉnh đạt 98%.

**1.2.2.2. Băng rộng cho công sở**

a) Băng rộng cho cơ sở giáo dục

- 100% trường học trên địa bàn tỉnh có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 60% trường học có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 80 Mb/s; 40% trường học có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 50 Mb/s.

b) Băng rộng cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

100% bệnh viện trên địa bàn tỉnh có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% bệnh viện có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 100 Mb/s; 20% bệnh viện có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 80 Mb/s.

c) Băng rộng cho cơ quan nhà nước

100% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 60% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu đường xuống là 150 Mb/s; 40% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu đường xuống là 100 Mb/s.

d) Băng rộng cho doanh nghiệp

100% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 150 Mb/s; 20% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 100 Mb/s.

### **1.2.3. Đến năm 2025**

#### **1.2.3.1. Băng rộng cho cộng đồng**

##### a) Băng rộng cho gia đình

Ít nhất 85% số hộ gia đình (hoặc thuê bao cá nhân) trên địa bàn tỉnh được tiếp cận và sử dụng dịch vụ băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% thuê bao được kết nối với tốc độ tối thiểu đường xuống là 150 Mb/s.

##### b) Băng rộng cho các điểm truy nhập viễn thông công cộng

100% các điểm truy nhập viễn thông công cộng trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% các điểm có truy nhập băng rộng cố định với tốc độ tối thiểu đường xuống là 200 Mb/s.

##### c) Băng rộng di động

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.
- 100% dân số trên địa bàn tỉnh được phủ sóng 4G với tốc độ tải dữ liệu 4G đạt 40 Mb/s.
- 100% người sử dụng dịch vụ di động có smartphone
- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 85%
- Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện trên địa bàn tỉnh đạt 100%.

#### **1.2.3.2. Băng rộng cho công sở**

##### a) Băng rộng cho cơ sở giáo dục

- 100% trường học trên địa bàn tỉnh có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 60% trường học có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 100 Mb/s; 40% trường học có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 80 Mb/s.

##### b) Băng rộng cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- 100% bệnh viện trên địa bàn tỉnh có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% bệnh viện có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 150 Mb/s; 20% bệnh viện có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 100 Mb/s

##### c) Băng rộng cho cơ quan nhà nước

100% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 60% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu đường xuống là 200 Mb/s; 40% cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu đường xuống là 150 Mb/s.

##### d) Băng rộng cho doanh nghiệp

100% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng

cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 200 Mb/s; 20% doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 150 Mb/s.

## **2. Yêu cầu**

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và ngành Thông tin và Truyền thông; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các giải pháp phát triển hạ tầng băng rộng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Hưng Yên.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong việc triển khai xây dựng phát triển hạ tầng băng rộng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Hạ tầng băng rộng**

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng viễn thông băng rộng cho 04 xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Quyết định số 2399/QĐ-BTTTT ngày 25/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông (Giao Tập đoàn Viễn thông Quân đội làm chủ đầu tư thực hiện thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng cho 04 xã: Phụng Công, huyện Văn Giang; Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào; Song Mai, huyện Kim Động; Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ) làm cơ sở để đồng bộ sự phát triển hạ tầng và phổ cập dịch vụ băng rộng qua đó đẩy nhanh tiến độ triển khai Chương trình chuyển đổi số của tỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

### **2. Cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động**

- Phát triển mới khoảng 350 cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động.

- Chia sẻ, sử dụng chung 25 trạm thu, phát sóng thông tin di động giữa các doanh nghiệp viễn thông di động Viettel, VNPT, Mobifone, Gtel Mobile đã ký kết thỏa thuận chia sẻ, sử dụng chung (*Phụ lục danh sách kèm theo*).

- Cải tạo cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động: Thực hiện cải tạo 40 vị trí cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động loại A2 tại các khu vực, tuyến đường, phố chính tại thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào và trung tâm các huyện:

+ Giai đoạn 2021-2022: Cải tạo 15 cột ăng ten A2 hiện trạng tại các khu vực, tuyến đường, phố chính tại thành phố Hưng Yên.

+ Giai đoạn 2023-2024: Cải tạo 25 cột ăng ten A2 hiện trạng tại các khu vực, tuyến đường, phố chính tại thị xã Mỹ Hào, trung tâm các huyện.

### **3. Mạng cáp ngoại vi**

a) Ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông

Xây dựng hệ thống công trình ngầm tại 143 khu vực, tuyến đường, phố trên toàn tỉnh với tổng chiều dài khoảng 244,925 km (*Theo Quyết định Số 2440/QĐ-*

*UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025).*

b) Cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình

- Tiếp tục triển khai cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình tại khu vực thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào, khu vực trung tâm các huyện; khu vực danh lam thắng cảnh, khu dân cư đã được công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, khu di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh.

- Phương thức cải tạo: Buộc gọn hệ thống dây cáp; loại bỏ các sợi cáp, cáp không còn sử dụng.

- Quá trình cải tạo, di chuyển, sắp xếp các đường dây, cáp nổi phải đáp ứng các yêu cầu: Đảm bảo sự kết nối với hệ thống đường dây, đường cáp chung của đô thị; đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị.

- Lộ trình cải tạo:

+ Giai đoạn 2021-2022: Triển khai cải tạo, chỉnh trang hạ tầng mạng cáp viễn thông, cáp truyền hình tại khu vực thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào, trung tâm các huyện.

+ Giai đoạn 2023-2024: Hoàn thiện cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình trên địa bàn tỉnh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy, phát triển hạ tầng và dịch vụ viễn thông.

- Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện.

- Trao đổi, thống nhất với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn về các mục tiêu, xây dựng kế hoạch và phân công cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh đảm bảo các mục tiêu cụ thể đề ra.

#### **2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý; Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện việc chỉnh trang, ngầm hóa, phát triển mới mạng cáp, xây dựng

và phát triển cột ăng ten thu phát sóng...trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch của ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn, đảm bảo mỹ quan đô thị, cảnh quan kiến trúc; Quản lý việc xây dựng ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn theo kế hoạch được phê duyệt.

### **3. Các doanh nghiệp viễn thông**

- Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông của địa phương để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành.

- Đề xuất các cơ chế, chính sách để thúc đẩy, triển khai kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông tại địa phương.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển viễn thông của đơn vị gửi về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các cơ quan, đơn vị các doanh nghiệp viễn thông chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để kịp thời hướng dẫn./.

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Cục Viễn thông (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, TX, TP (phối hợp);
- Các doanh nghiệp viễn thông (thực hiện);
- Lưu: VT, BCVT.

**Bùi Văn Sỹ**